

Mã chương: 004

Đơn vị báo cáo: Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang

Mã ĐVQHNS: 1052578

BÁO CÁO THUYẾT MINH QUYẾT TOÁN NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 1176/QĐ-VKS ngày 05/8/2024
của VKSND tỉnh An Giang)

A. TÌNH HÌNH CHUNG

Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang có 12 đơn vị dự toán cấp III, bao gồm: Văn phòng VKSND tỉnh và 11 đơn vị VKSND cấp huyện trực thuộc.

1. Tình hình người lao động

1.1. Về biên chế

Số biên chế được giao theo Quyết định số 19/QĐ-VKSTC ngày 20/12/2022 của Viện trưởng VKSND tối cao cho VKSND tỉnh An Giang là 233 biên chế, thực hiện năm 2023 là 197 biên chế, còn thiếu 36 biên chế chưa tuyển.

1.2. Về hợp đồng lao động

Hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP, thực hiện năm 2023 là 37 người (bao gồm các hợp đồng lao động làm công việc lái xe ô tô, bảo vệ, tạp vụ).

2. Thực hiện các chỉ tiêu của nhiệm vụ cơ bản

a) Dự toán ngân sách nhà nước được giao

- Kinh phí năm trước chuyển sang 195.481.686 đồng (Văn phòng VKSND tỉnh 191.381.686 đồng, VKSND thành phố Long Xuyên 4.100.000 đồng).

- Căn cứ Quyết định số 128/QĐ-VKSTC ngày 22/12/2022, Quyết định số 134/QĐ-VKSTC ngày 30/12/2022, Quyết định số 32/QĐ-VKSTC ngày 22/3/2023, Quyết định số 40/QĐ-VKSTC ngày 12/4/2023, Quyết định số 61/QĐ-VKSTC ngày 29/6/2023, Quyết định số 130/QĐ-VKSTC ngày 13/11/2023, Quyết định số 137/QĐ-VKSTC ngày 21/11/2023, Quyết định số 05/QĐ-VKSTC ngày 17/01/2024 của Viện trưởng VKSND tối cao về việc giao dự toán quỹ tiền lương biên chế năm 2023, giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2023, điều chỉnh dự toán chi NSNN năm 2023, giao dự toán NSNN năm 2023 (đợt 3), điều chỉnh dự toán chi NSNN năm 2023, điều chỉnh dự toán chi NSNN năm 2023, bổ sung dự toán chi NSNN năm 2023, bổ sung dự toán chi NSNN năm 2023. Dự toán ngân sách nhà nước giao năm 2023 cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang là **50.764.240.200 đồng** (không bao gồm vốn đầu tư).

- Tổng kinh phí được sử dụng trong năm là **50.959.721.886 đồng**, cụ thể:

- Chi quản lý hành chính: 50.668.521.886 đồng;

- Chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức: 291.200.000 đồng;



Căn cứ dự toán được giao và các chế độ, chính sách, tiêu chuẩn, định mức hiện hành của nhà nước, các nhiệm vụ phát sinh, VKSND tỉnh đã phân bổ dự toán đúng tổng mức và các nội dung dự toán được giao cho từng đơn vị dự toán trực thuộc và công khai theo đúng quy định.

b) Kết quả thực hiện các nhiệm vụ chi

DVT: Đồng

TT	Nội dung	Dự toán được giao	Dự toán đã phân bổ trong năm	Quyết toán	Tỷ lệ % QT/DT
	Tổng cộng	50.959.721.886	50.959.721.886	50.611.641.324	99,31%
I	Kinh phí Quản lý nhà nước	50.668.521.886	50.668.521.886	50.320.441.324	99,31%
1	Kinh phí QLNN thực hiện chế độ tự chủ	44.735.741.686	44.735.741.686	44.446.848.052	99,35%
2	Kinh phí QLHC không thực hiện chế độ tự chủ	5.932.780.200	5.932.780.200	5.873.593.272	99%
	Kinh phí tinh giản biên chế	639.120.200	639.120.200	639.120.200	100%
	Kinh phí sửa chữa, bảo trì trụ sở	800.000.000	800.000.000	799.039.207	99,9%
	Kinh phí Đề án mua sắm	2.590.000.000	2.590.000.000	2.535.388.000	97,89%
	Kinh phí thuê luật sư, trợ cấp nhân chứng; giám định tư pháp	9.500.000	9.500.000	5.896.000	62%
	Kinh phí trang phục	1.016.160.000	1.016.160.000	1.016.149.865	100%
	Kinh phí lệ phí trước bạ	74.000.000	74.000.000	74.000.000	100%
	Hỗ trợ kiểm sát trại giam, nhà tạm giữ	180.000.000	180.000.000	180.000.000	100%
	Chi hoạt động đặc thù khác	624.000.000	624.000.000	624.000.000	100%
II	Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ	291.200.000	291.200.000	291.200.000	100%
1	Đào tạo lại và BDCB (L 070 - K085)	291.200.000	291.200.000	291.200.000	100%

B. THUYẾT MINH CHI TIẾT

I. Tình hình sử dụng NSNN trong năm

1. Nguyên nhân của các biến động quyết toán tăng, giảm so với dự toán được giao

Năm ngân sách 2023, Đơn vị cơ bản thực hiện đúng các nhiệm vụ chi trong năm. Quyết toán chi Ngân sách nhà nước năm 2023 đạt 99,31% so với dự toán được giao. Lý do:

(1) Số dư dự toán và kinh phí chuyển nguồn sang năm 2024: 288.893.634 đồng (Kinh phí thường xuyên tự chủ đương nhiên được chuyển nguồn).

(2) Kinh phí giảm trong năm: 59.186.928 đồng (Kinh phí không tự chủ hủy tại KBNN do hết nhiệm vụ chi).

2. Nguồn Ngân sách nhà nước trong nước

2.1. Số dư kinh phí năm trước chuyển sang: 195.481.686 đồng;

a) Kinh phí thường xuyên/tự chủ: 195.481.686 đồng

- Dự toán đã nhận: đồng;

- Dự toán còn dư ở kho bạc: 195.481.686 đồng.

b) Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ: đồng

2.2. Dự toán giao năm nay: 50.764.239.800 đồng;

a) Kinh phí thường xuyên/tự chủ: 44.540.260.000 đồng;

- Dự toán giao đầu năm: 41.540.500.000 đồng;

- Dự toán điều chỉnh trong năm (tăng): 2.999.760.000 đồng.

b) Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ: 6.223.979.800 đồng;

- Dự toán giao đầu năm: 6.133.475.800 đồng;

- Dự toán bổ sung trong năm: 90.504.000 đồng.

2.3. Kinh phí thực nhận trong năm: 50.611.641.324 đồng;

a) Kinh phí thường xuyên/ tự chủ: 44.446.848.052 đồng;

Trong đó: nhận từ rút dự toán ngân sách được giao: 44.446.848.052 đồng.

b) Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ: 6.164.793.272 đồng.

Trong đó: Nhận từ rút dự toán ngân sách được giao: 6.164.793.272 đồng

2.4. Kinh phí giảm trong năm: 59.186.928 đồng.

a) Kinh phí thường xuyên/tự chủ: 0 đồng

b) Kinh phí không thường xuyên/ không tự chủ: 59.186.928 đồng, Do hủy kinh phí các nội dung đã hết nhiệm vụ chi không được chuyển nguồn sang năm sau, bao gồm:

+ Kinh phí Trang phục: 10.135 đồng;

+ Kinh phí sửa chữa bảo trì trụ sở: 963.793 đồng;

+ Kinh phí luật sư nhân chứng: 3.604.000 đồng;

+ Kinh phí mua sắm tài sản theo Đề án: 54.612.000 đồng;



II. Thuyết minh khác

1. Chi phí tiền lương năm 2023: 32.630.418.878 đồng, trong đó:
 - + Chi tiền lương của biên chế: 30.265.235.999 đồng;
 - + Chi tiền lương của hợp đồng lao động theo NĐ 111: 2.365.182.879 đồng.
2. Kết quả chênh lệch thu lớn hơn chi trong năm 4.249.208.770 đồng, sử dụng kinh phí tiết kiệm của cơ quan hành chính 4.249.208.770 đồng để chi:
 - Thu nhập tăng thêm: 1.148.062.762 đồng;
 - Phúc lợi tập thể: 3.096.146.008 đồng;
 - Trích lập quỹ dự phòng ổn định thu nhập: 5.000.000 đồng.